

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ NGỌC HÂN

MA TRẬN ĐỀ KTĐK CUỐI KÌ I
MÔN TOÁN - LỚP 3. Năm học 2022 – 2023

Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Câu	Hình thức		Mức			Điểm	Ghi chú
			TN	TL	1	2	3		
Số và phép tính 75 %	Nhận biết được về 1/4 thông qua hình ảnh trực quan.	1b	0,5		0,5			0,5	
	Thực hiện được nhân, chia nhằm trong những trường hợp đơn giản.	2a	0,5		0,5			0,5	
		4		1,0	1,0			1,0	
	Thực hiện được phép nhân, chia số có 3 chữ số cho số có một chữ số.	5		1,0	1,0			1,0	
	Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.	6		1,0		1,0		1,0	
	Giải bài toán có 2 bước tính.	7		2,0		2,0		2,0	
	Xác định được biểu thức từ tình huống thực tế, tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.	8a	0,5				0,5	1,0	
		8b		0,5			0,5		
	Thực hành ứng dụng các kiến thức toán vào thực tiễn.	9a		0,5			0,5	0,5	Lồng ghép HDTN
Hình học và đo lường 25%	Đọc được giờ với mặt đồng hồ có số La Mã.	1a	0,5		0,5			0,5	
	Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ (°C).	2b		0,5	0,5			0,5	
	Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như tâm, bán kính, đường kính của hình tròn.	3	1,0		1,0			1,0	
	Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.	9b		0,5			0,5	0,5	
Tổng điểm			3	7	5	3	2	10	

Tỉ lệ điểm theo mức độ nhận thức				
	- Mức 1:	5 điểm	- Tỉ lệ:	50%
	- Mức 2:	3 điểm	- Tỉ lệ:	30%
	- Mức 3:	2 điểm	- Tỉ lệ:	20%
Tỉ lệ điểm trắc nghiệm/tự luận				
	- Trắc nghiệm:	3 điểm	- Tỉ lệ:	30%
	- Tự luận:	7 điểm	- Tỉ lệ:	70%
Tỉ lệ điểm các mạch kiến thức				
	- Số và phép tính:	7,5 điểm	- Tỉ lệ:	75%
	- Hình học và đo lường:	2,5 điểm	- Tỉ lệ:	25%

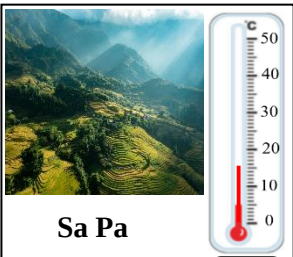
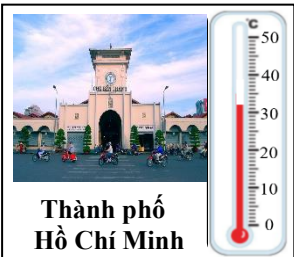
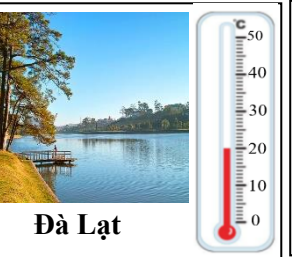
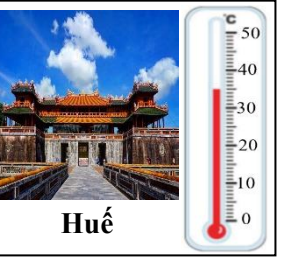
Duyệt của HIỆU TRƯỞNG

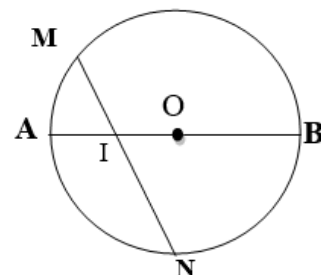
Quận 1, ngày 20 tháng 10 năm 2022
Người lập

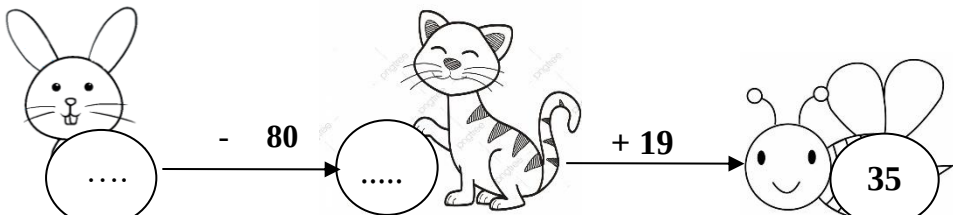
Bùi Duy Phương

Bùi Thị Thu Thảo

Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân Họ tên: Học sinh lớp:		KTĐK CUỐI KÌ I – NĂM HỌC 2022 – 2023 MÔN TOÁN – LỚP BA Ngày: Thời gian: 40 phút	
		Giám thị	Giám thị
			Số thứ tự
Điểm	Nhận xét	Giám khảo	Giám khảo

Câu 1:.../1đ	Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng (câu 1, câu 2a). 1a. Lan đang tham quan bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng hồ lúc này chỉ mấy giờ? A. 12 giờ 45 phút B. 11 giờ C. 9 giờ
	 1b. Hình dưới đây đã khoanh tròn vào một phần mấy số ngôi sao? A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{5}$ 
Câu 2:.../1đ	2a. Bạn An chia đều 80 hạt giống cho 4 tổ để trồng cây. Số hạt giống mỗi tổ nhận được là: A. 10 hạt B. 20 hạt C. 30 hạt
	2b. Điền vào chỗ chấm. Nơi lạnh nhất trong 4 địa điểm dưới đây là.....  Sa Pa  Thành phố Hồ Chí Minh  Đà Lạt  Huế
Câu 3:.../1đ	3. Quan sát hình bên. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☐ . Hình tròn tâm O có bán kính là OA, OB ☐ Hình tròn tâm O có đường kính là MN ☐ Đường kính dài gấp 2 lần bán kính ☐ O là trung điểm của đoạn thẳng AB ☐



Câu 4: .../1đ	4. Tính nhẩm. 600 : 3 = 200 x 4 =
Câu 5: .../1đ	5. Đặt tính rồi tính. 105 x 6 523 : 7
Câu 6: .../1đ	6. Điền số thích hợp vào (...) : 
Câu 7: .../2đ	7. Để trang trí “Không gian văn hóa Hồ Chí Minh” tại trường em, khối Hai chuẩn bị được 129 tranh vẽ, bài viết về Bác Hồ. Khối Ba chuẩn bị được gấp đôi số sản phẩm của khối Hai. Hỏi cả hai khối chuẩn bị được tất cả bao nhiêu sản phẩm? Giải
Câu 8: .../1đ	8a. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng. Trong tuần này, Nam đi đến cửa hàng tiện lợi 3 lần, mỗi lần Nam mua 5 chai nước suối và 4 chai sữa. Biểu thức nào sau đây giúp Nam tính số chai nước và chai sữa đã mua: A. 3 x 5 x 4 B. (5 + 4) x 3 C. 5 x 3 + 4 8b. Điền số thích hợp vào chỗ chấm. Nam đã mua tất cả chai nước và chai sữa.
Câu 9: .../1đ	9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm. Nam cùng mẹ chuẩn bị đặt bánh pizza cho buổi tiệc sinh nhật của mình dự kiến tổ chức tại lớp vào thứ Sáu tuần này. a. Có 34 bạn đến dự tiệc sinh nhật Nam. Cứ 3 bạn thì ăn hết 1 cái bánh. Nam cần đặt ít nhất cái bánh cho buổi tiệc. b. Buổi tiệc bắt đầu lúc 16 giờ kém 15 phút và kéo dài 45 phút. Buổi tiệc sẽ kết thúc vào lúcgiờ.....phút.  

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 3
KTĐK CUỐI KÌ I – NĂM HỌC 2022 – 2023

Câu 1: 1 điểm

Học sinh khoanh đúng 1 câu được 0,5 điểm ($0.5 \times 2 = 1đ$)

1a. C

1b. B

Câu 2: 1 điểm

Học sinh thực hiện đúng 1 câu được 0,5 điểm ($0.5 \times 2 = 1đ$)

2a. B

2b. Sa Pa

Câu 3: Quan sát hình bên. Đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm)

Học sinh điền đúng 2 ý được 0,5 đ ($0.5 \times 2 = 1đ$), Hs điền sai 3 ý được 0 điểm.

Hình tròn tâm O có bán kính là OA, OB

☐ Đ

Hình tròn tâm O có đường kính là MN

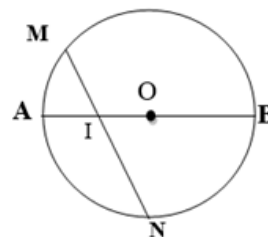
☐ S

Đường kính dài gấp 2 lần bán kính

☐ Đ

O là trung điểm của đoạn thẳng AB

☐ Đ



Câu 4: Tính nhẩm (1 điểm)

Học sinh thực hiện đúng 1 phép tính được 0,5 điểm ($0.5 \times 2 = 1đ$)

$$600 : 3 = 200$$

$$200 \times 4 = 800$$

Câu 5: Đặt tính rồi tính (1 điểm)

Học sinh thực hiện đúng 1 phép tính được 0,5 điểm ($0.5 \times 2 = 1đ$)

$$105 \times 6$$

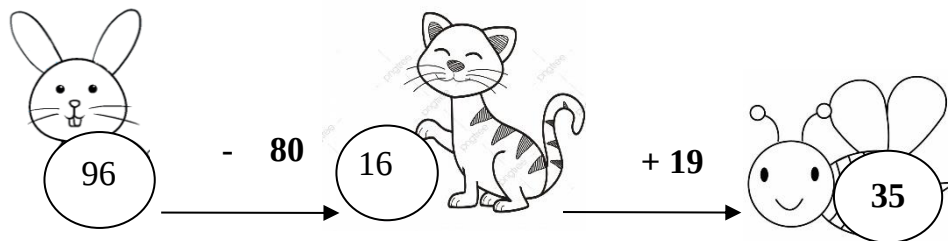
$$523 : 7$$

$$\begin{array}{r} 105 \\ \times 6 \\ \hline 630 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 523 & 7 \\ 33 & 74 \\ \hline 5 & \end{array}$$

Câu 6: Điền số thích hợp vào :

Học sinh viết đúng kết quả vào 1 ô trống được 0,5 điểm ($0,5 \times 2 = 1đ$)



Câu 7: (2 điểm)

- Mỗi lời giải đúng: 0,5 điểm
- Phép tính đúng, kết quả đúng của mỗi phép tính: 0,5 điểm.
- Nếu lời giải và phép tính trên sai thì trừ hết điểm toàn bài.
- Sai đơn vị hoặc thiếu đáp số trừ: 0,5 điểm

Bài giải

Số sản phẩm Khối Ba chuẩn bị được là:

$$129 \times 2 = 258 \text{ (sản phẩm)}$$

Số sản phẩm cả hai Khối chuẩn bị được là:

$$129 + 258 = 387 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: 387 sản phẩm

Câu 8: (1 điểm)

Học sinh thực hiện đúng 1 câu được 0,5 điểm ($0,5 \times 2 = 1đ$)

8a. B

8b. 27

Câu 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

Học sinh điền số đúng vào chỗ chấm được 0,5 điểm ($0,5 \times 2 = 1đ$)

9a. 12

9b . 16 giờ 30 phút